

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 07 năm 2026

LỊCH KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT 07 NĂM 2026

(Địa chỉ: 615 Âu Cơ, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh - 624 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Stt	Ngày kiểm tra	Cấp lớp	Môn kiểm tra	Giờ kiểm tra	Số báo danh	Phòng	Ghi chú
I. Ngày 02/08/2026 (Buổi sáng):							
1	02/08/2026 (Chủ nhật) Buổi sáng	Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)	Nghe - Đọc - Viết	08:00 - 10:00	VHU.TAB1.07.001 VHU.TAB1.07.050	B1.PT01	KPH001
2			Nghe - Đọc - Viết	08:00 - 10:00	VHU.TAB1.07.051 VHU.TAB1.07.095	B1.PT02	KPH002
3			Nghe - Đọc - Viết	08:00 - 10:00	VHU.TAB1.07.096 VHU.TAB1.07.145	B1.PT03	KPH004
4			Nghe - Đọc - Viết	08:00 - 10:00	VHU.TAB1.07.146 VHU.TAB1.07.190	B1.PT04	KPH003
5			Nghe - Đọc - Viết	08:00 - 10:00	VHU.TAB1.07.191 VHU.TAB1.07.240	B1.PT05	KPH101
6			Nghe - Đọc - Viết	08:00 - 10:00	VHU.TAB1.07.241 VHU.TAB1.07.285	B1.PT06	KPH104
7			Nghe - Đọc - Viết	08:00 - 10:00	VHU.TAB1.07.286 VHU.TAB1.07.335	B1.PT07	KPH102
8			Nghe - Đọc - Viết	08:00 - 10:00	VHU.TAB1.07.336 VHU.TAB1.07.380	B1.PT08	BPH102
9			Nghe - Đọc - Viết	08:00 - 10:00	VHU.TAB1.07.381 VHU.TAB1.07.430	B1.PT09	KPH105
10			Nghe - Đọc - Viết	08:00 - 10:00	VHU.TAB1.07.431 VHU.TAB1.07.475	B1.PT10	BPH103

Stt	Ngày kiểm tra	Cấp lớp	Môn kiểm tra	Giờ kiểm tra	Số báo danh	Phòng	Ghi chú
11	02/08/2026 (Chủ nhật) Buổi sáng	Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)	Nói	08:00 - 10:00	VHU.TAB1.07.476 VHU.TAB1.07.525	B1.PT11	BPH010
12				10:00 - 12:00	VHU.TAB1.07.526 VHU.TAB1.07.570	B1.PT12	
13			Nói	08:00 - 10:00	VHU.TAB1.07.571 VHU.TAB1.07.620	B1.PT13	BPH011
14				10:00 - 12:00	VHU.TAB1.07.621 VHU.TAB1.07.665	B1.PT14	
15			Nói	08:00 - 10:00	VHU.TAB1.07.666 VHU.TAB1.07.715	B1.PT15	BPH111
16				10:00 - 12:00	VHU.TAB1.07.716 VHU.TAB1.07.760	B1.PT16	
17			Nói	08:00 - 10:00	VHU.TAB1.07.761 VHU.TAB1.07.810	B1.PT17	BPH112
18				10:00 - 12:00	VHU.TAB1.07.811 VHU.TAB1.07.855	B1.PT18	
19			Nói	08:00 - 10:00	VHU.TAB1.07.856 VHU.TAB1.07.900	B1.PT19	BPH008
20				10:00 - 12:00	VHU.TAB1.07.901 VHU.TAB1.07.945	B1.PT20	
21			Nói	08:00 - 10:00	VHU.TAB1.07.946 VHU.TAB1.07.990	B1.PT21	BPH009
22				10:00 - 12:00	VHU.TAB1.07.991 VHU.TAB1.07.1034	B1.PT22	

Stt	Ngày kiểm tra	Cấp lớp	Môn kiểm tra	Giờ kiểm tra	Số báo danh	Phòng	Ghi chú
II. Ngày 02/08/2026 (Buổi chiều):							
23	02/08/2026 (Chủ nhật) Buổi chiều	Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)	Nói	13:30 - 15:30	VHU.TAB1.07.001 VHU.TAB1.07.050	B1.PT01	BPH010
24				15:30 - 17:30	VHU.TAB1.07.051 VHU.TAB1.07.095	B1.PT02	
25			Nói	13:30 - 15:30	VHU.TAB1.07.096 VHU.TAB1.07.145	B1.PT03	BPH011
26				15:30 - 17:30	VHU.TAB1.07.146 VHU.TAB1.07.190	B1.PT04	
27			Nói	13:30 - 15:30	VHU.TAB1.07.191 VHU.TAB1.07.240	B1.PT05	BPH012
28				15:30 - 17:30	VHU.TAB1.07.241 VHU.TAB1.07.285	B1.PT06	
29			Nói	13:30 - 15:30	VHU.TAB1.07.286 VHU.TAB1.07.335	B1.PT07	BPH008
30				15:30 - 17:30	VHU.TAB1.07.336 VHU.TAB1.07.380	B1.PT08	
31			Nói	13:30 - 15:30	VHU.TAB1.07.381 VHU.TAB1.07.430	B1.PT09	BPH009
32				15:30 - 17:30	VHU.TAB1.07.431 VHU.TAB1.07.475	B1.PT10	
33			Nghe - Đọc - Viết	13:30 - 15:30	VHU.TAB1.07.476 VHU.TAB1.07.525	B1.PT11	KPH001
34			Nghe - Đọc - Viết	13:30 - 15:30	VHU.TAB1.07.526 VHU.TAB1.07.570	B1.PT12	KPH002
35			Nghe - Đọc - Viết	13:30 - 15:30	VHU.TAB1.07.571 VHU.TAB1.07.620	B1.PT13	KPH004
36			Nghe - Đọc - Viết	13:30 - 15:30	VHU.TAB1.07.621 VHU.TAB1.07.665	B1.PT14	KPH003

Stt	Ngày kiểm tra	Cấp lớp	Môn kiểm tra	Giờ kiểm tra	Số báo danh	Phòng	Ghi chú
37	02/08/2026 (Chủ nhật) Buổi chiều	Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)	Nghe - Đọc - Viết	13:30 - 15:30	VHU.TAB1.07.666 VHU.TAB1.07.715	B1.PT15	KPH101
38			Nghe - Đọc - Viết	13:30 - 15:30	VHU.TAB1.07.716 VHU.TAB1.07.760	B1.PT16	KPH104
39			Nghe - Đọc - Viết	13:30 - 15:30	VHU.TAB1.07.761 VHU.TAB1.07.810	B1.PT17	KPH102
40			Nghe - Đọc - Viết	13:30 - 15:30	VHU.TAB1.07.811 VHU.TAB1.07.855	B1.PT18	KPH103
41			Nghe - Đọc - Viết	13:30 - 15:30	VHU.TAB1.07.856 VHU.TAB1.07.900	B1.PT19	BPH107
42			Nghe - Đọc - Viết	13:30 - 15:30	VHU.TAB1.07.901 VHU.TAB1.07.945	B1.PT20	BPH106
43			Nghe - Đọc - Viết	13:30 - 15:30	VHU.TAB1.07.946 VHU.TAB1.07.990	B1.PT21	BPH112
44			Nghe - Đọc - Viết	13:30 - 15:30	VHU.TAB1.07.991 VHU.TAB1.07.1034	B1.PT22	BPH110

- * Lưu ý :**
- Thí sinh có mặt tại phòng kiểm tra:
 - + Sáng 7:30 (Đối với phòng thi B1.PT01; B1.PT02; B1.PT03; B1.PT04; B1.PT05; B1.PT06; B1.PT07; B1.PT08; B1.PT09; B1.PT10; B1.PT11; B1.PT13; B1.PT15; B1.PT17; B1.PT19; B1.PT21);
 - + Chiều 13:00 (Đối với phòng thi B1.PT01; B1.PT03; B1.PT05; B1.PT07; B1.PT09; B1.PT11; B1.PT12; B1.PT13; B1.PT14; B1.PT15; B1.PT16; B1.PT17; B1.PT18; B1.PT19; B1.PT20; B1.PT21; B1.PT22).
 - **Thí sinh phải mang theo Căn cước công dân/Căn cước còn hiệu lực và có mặt trước giờ kiểm tra 15 phút để làm thủ tục dự kiểm tra.**

- Nơi nhận:**
- Thường trực HĐT (để b/c);
 - Các Thành viên Hội đồng kiểm tra (để t/h);
 - Lưu: VT, TT. KT&ĐBCL, TT. NN.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hà